

Số: 2819/KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 12 năm 2015

KẾ HOẠCH

Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015-2020

I. THỰC TRẠNG THỦY LỢI TỈNH TUYỀN QUANG:

1. Thực trạng hệ thống thủy lợi và công tác quản lý khai thác:

1.1- Thực trạng hệ thống thủy lợi:

Tính đến nay, toàn tỉnh có trên 2.700 công trình thủy lợi có diện tích tưới từ 1 ha trở lên và trên 3.400 km kênh chính + kênh nhánh (2.100km kênh đã kiên cố và 1.300km kênh đất), hầu hết các công trình thủy lợi của tỉnh thiết kế với nhiệm vụ chủ yếu là cấp nước tưới cho lúa. Năm 2015, các công trình thủy lợi đảm bảo tưới chắc cho 36.809ha/44.541ha lúa vụ đông xuân và vụ mùa, tỷ lệ tưới chắc bình quân cả năm ước đạt 82,64% diện tích gieo cấy theo kế hoạch.

Các công trình thủy lợi của tỉnh số lượng tuy nhiều nhưng quy mô và diện tích tưới nhỏ, chủ yếu là công trình cấp IV. Nhiều công trình được đầu tư xây dựng đã lâu (từ trước năm 1980), qua thời gian dài khai thác và sử dụng, đến nay đã bị hư hỏng, xuống cấp. Hàng năm, ngoài phần kinh phí do Trung ương hỗ trợ, tỉnh Tuyên Quang đã dành một phần kinh phí để duy tu, sửa chữa, nâng cấp, nhưng do số lượng công trình bị hư hỏng nhiều nên chưa đáp ứng được nhu cầu kinh phí để khắc phục, sửa chữa.

Hệ thống kênh tưới của các công trình thủy lợi của tỉnh phân tán, nhỏ lẻ, các tuyến kênh chủ yếu đi qua các khu vực có địa hình, địa chất phức tạp nên khó quản lý, vận hành; nhiều tuyến kênh đi qua đồi núi, qua khu dân cư nên thường xuyên bị sạt lở gây bồi lấp lòng kênh và rò rỉ mất nước, làm giảm hiệu ích tưới.

1.2- Công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi:

Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi của tỉnh hiện đang tổ chức thực hiện theo mô hình quản lý có sự tham gia của người dân. Tính đến nay toàn tỉnh hiện nay có 147 Ban quản lý công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo quy mô, phạm vi phục vụ tưới của hệ thống công trình. Trong đó: Cấp tỉnh có 01 Ban, cấp cơ sở có 146 Ban (03 Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã và 143 quản lý công trình thủy lợi xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp).

Nhìn chung, với mô hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi như hiện nay đã tương đối phù hợp với quy mô, nhiệm vụ, tính chất kỹ thuật và phạm vi quản lý hành chính liên quan đến công trình; phù hợp với

việc củng cố đội mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã Nông lâm nghiệp. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay mô hình này còn gắn liền với việc thực hiện chính sách miễn, giảm thủy lợi phí; nguồn kinh phí Nhà nước hỗ trợ được cấp trực tiếp cho các Ban quản lý khai thác công trình cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để các Ban quản lý duy trì hoạt động, thực hiện tốt công tác quản lý, duy tu, sửa chữa công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi ở một số địa phương vẫn còn nhiều lỏng lẻo, trình độ về chuyên môn của cán bộ quản lý khai thác tương đối thấp, không đồng đều. Toàn tỉnh hiện có trên 600 cán bộ, nhân viên tham gia trực tiếp vào công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Trong đó: Trình độ đại học và trên đại học trên 110 người (chiếm trên 18%), cao đẳng, trung cấp trên 250 người (chiếm trên 41%), sơ cấp trên 60 người (chiếm trên 10%), chưa qua đào tạo chuyên ngành trên 180 người (chiếm trên 30%).

2. Thực trạng công trình cấp nước sinh hoạt:

Đến hết năm 2014, toàn tỉnh Tuyên Quang có 366 công trình cung cấp nước vệ sinh môi trường nông thôn. Trong đó theo đánh giá, hiện có 92 công trình hoạt động bền vững, 126 công trình hoạt động bình thường, 80 công trình hoạt động kém và 68 công trình không hoạt động; Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh là 71,5% trong đó có 47% được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

3. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện nay chưa thực hiện ứng dụng, phát triển các giải pháp công nghệ thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng và công nghệ tiên tiến ứng dụng trong thiết kế xây dựng các công trình thủy lợi. Hiện nay đang thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt cho 5,8ha mía của 28 hộ gia đình trên địa bàn xã Bình Xa, huyện Hàm Yên với tổng kinh phí 960.619.000 đồng (trong đó Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 666.436.000 đồng). Dự kiến mô hình sẽ hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho địa phương quản lý vận hành vào quý IV/2015, thành công của mô hình sẽ được đề xuất áp dụng nhân rộng trong toàn tỉnh.

II. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 phê duyệt định hướng Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành chương trình hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 phê duyệt “Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi”; Quyết định số 802/QĐ-BNN-TCTL ngày

22/4/2014 ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi; Quyết định số 784/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 ban hành Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; Quyết định số 785/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; Quyết định số 1788/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/5/2015 ban hành Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn phục vụ Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Quyết định số 31/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020; Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 phê duyệt quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quyết định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Xác định được các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi, Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn phục vụ Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020.

2. Yêu cầu:

- Bám sát nội dung và triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành và Kế hoạch của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang. Trong đó ưu tiên tập trung phục vụ ngành Trồng trọt và Thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trên các lĩnh vực và xác định rõ thời gian hoàn thành, làm cơ sở để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở, đồng thời tham mưu thực hiện tốt các nội dung của kế hoạch.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

1. Mục tiêu:

- Khai thác, lồng ghép mọi nguồn vốn để tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sạch bị hư hỏng, xuống cấp nhằm phát huy hết năng lực thiết kế của công trình, đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn hợp vệ sinh, đạt tiêu chí về nông thôn mới.

- Nâng cao hiệu quả lĩnh vực Thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế- xã hội; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020 có 82,51% kênh mương được kiên cố hóa, tỷ lệ tưới chắc cho lúa phấn đấu đạt 85% tổng diện tích gieo trồng; tưới bổ sung 75% diện tích trồng màu; áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho khoảng 15% (tương ứng 5.300ha) tổng diện tích cây trồng cạn chủ lực và phục vụ nuôi trồng thủy sản; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%, trong đó 70% dân số được sử dụng nước đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành.

- Ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng đa mục tiêu, sử dụng an toàn bền vững, đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông nông sản hàng hóa và phục vụ đời sống dân cư nông thôn.

2. Nhiệm vụ:

2.1- Củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới: Tu sửa, nâng cấp bảo đảm an toàn đối với đầu mối các công trình thủy lợi; quy hoạch xây dựng kiên cố hoá hệ thống kênh nội đồng đáp ứng các phương thức canh tác mới để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, đáp ứng linh hoạt yêu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập của nông dân.

2.2- Củng cố các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi: Nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới cơ chế vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ thủy lợi; Áp dụng cơ chế chính sách phù hợp bảo đảm nguồn kinh phí để hoạt động.

2.3- Phát triển một nền nông nghiệp chủ động tưới, tiêu theo hướng hiện đại: Đẩy mạnh trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng cạn chủ lực: cam, chè, mía, rau màu... phù hợp với kế hoạch tái cơ cấu ngành trồng trọt của tỉnh.

2.4- Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản thông qua việc trữ nước, cải thiện chất lượng nước cung cấp cho nuôi trồng thủy sản.

2.5- Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, an toàn hồ đập. Chủ động phòng, chống hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; Nâng cao chất lượng hệ thống công trình, chống xuống cấp chú trọng đến ứng dụng công nghệ mới trong đầu tư xây dựng và quản lý khai thác;

2.6- Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai và an toàn đập bằng áp dụng các công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ưu tiên các giải pháp phi công trình.

2.7- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững cả về kết cấu hạ tầng, mô hình quản lý và tài chính.

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1- Nâng cao chất lượng quy hoạch thủy lợi, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch thủy lợi:

Xây dựng Quy hoạch xây dựng và phát triển Thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035 nhằm phục vụ các mục tiêu của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu. Quá trình rà soát quy hoạch, xây dựng cần quan tâm có giải pháp cấp nước phục vụ cây trồng cạn chủ lực có quy mô sản xuất tập trung và cấp nước nuôi trồng thủy sản; xác định các hồ đập có nguy cơ mất an toàn và đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn công trình. Quá trình xây dựng quy hoạch phải gắn với mục tiêu Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó chú trọng việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các hệ thống công trình thủy lợi; Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo tác động của biến đổi khí hậu và các tác động bất lợi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp, hiệu quả.

3.2- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, nước sạch:

a) Tăng cường đầu tư sửa chữa, nâng cấp các CTTL và kiên cố hóa hệ thống kênh mương:

- Tập trung, huy động mọi nguồn vốn để đầu tư tu sửa, nâng cấp và làm mới các công trình thủy lợi đầu mối, công trình cấp nước sinh hoạt trọng điểm, các dự án an toàn hồ chứa; Ưu tiên đầu tư cho các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản và phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cung cấp nước cho dân sinh, công nghiệp. Bao gồm:

+ Đề xuất với Trung ương và UBND tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ kinh phí đầu tư tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi hư hỏng, xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn công trình và đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dự kiến đến năm 2020, toàn tỉnh hoàn thành việc đầu tư tu sửa, nâng cấp đưa vào sử dụng 305 công trình thủy lợi hư hỏng, xuống cấp bằng mọi nguồn vốn (có biểu 01 và 02 kèm theo); Ngoài ra trong quá trình thực hiện, có phát sinh các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt bị hư hỏng, sẽ kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cân đối, bố trí

vốn để sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình, phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân.

+ Đề xuất với Trung ương hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng mới một số công trình hồ chứa thủy lợi trọng điểm như: Hồ Cao Ngõi xã Đông Lợi, hồ Đát Đền xã Hợp Hòa, hồ Đồng Trại xã Phú Lương huyện Sơn Dương... nhằm tích trữ, cung cấp nguồn nước tưới ổn định và chống hạn cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đồng thời cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân đang sinh sống trong khu vực, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.

- Đề xuất nâng cấp hệ thống kênh nội đồng gắn với xây dựng đường giao thông nội đồng, dồn điền đổi thửa để đáp ứng phương thức canh tác tiên tiến thích hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2020, toàn tỉnh kiên cố hóa được trên 1.000 km kênh mương các loại, trong đó phân đầu có 50% kênh kiên cố trong giai đoạn này được áp dụng công nghệ, kỹ thuật mới (kênh mương bê tông thành mỏng đúc sẵn), đưa tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương toàn tỉnh lên 82,51% (*Chi tiết có biểu 03 kèm theo*).

b) Củng cố tổ chức quản lý thủy nông cơ sở:

- Nâng cao năng lực cán bộ làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi: Rà soát, củng cố về tổ chức, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến huyện và Ban quản lý khai thác CTTL Tuyên Quang.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý khai thác CTTL ở cơ sở: Rà soát, tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ để củng cố, nâng cao năng lực về quản lý, vận hành công trình cho đội ngũ cán bộ các Ban quản lý khai thác CTTL trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, vận hành các công trình thủy lợi ở cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ nước có thu; Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh. Phân đầu đến năm 2017 có trên 50%, năm 2020 có trên 85% Ban quản lý CTTL cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững trên cơ sở tự nguyện, hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi.

c) Nâng cao hiệu quả quản lý đối với các công trình nước sạch:

Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng và tham mưu nhằm quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Đề xuất huy động mọi nguồn lực, khuyến khích sự hợp tác giữa các công ty xây dựng, quản lý công trình nước sinh hoạt tập trung nông thôn. Phân đầu đến năm 2020 hoàn thành việc tu sửa, nâng cấp 58 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn nhằm đưa tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%, trong đó 70% dân số được sử dụng nước đạt Quy chuẩn QCVN: 02/2009/BYT.

3.3- Phát triển tưới cho cây trồng cạn:

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình và triển khai áp dụng trên diện rộng các biện pháp tưới tiên tiến và tiết kiệm nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho các loại cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao như: mía, chè, cam, bưởi... Đề xuất thực hiện chính sách hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Phân đầu đến năm 2020 áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước như công nghệ tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt, tưới dí... cho khoảng 15% tổng diện tích cây trồng cạn chủ lực (khoảng 5.300ha) (*Chi tiết có biểu 04 kèm theo*). Trong đó triển khai mô hình thí điểm tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho 15 ha để đánh giá hiệu quả và triển khai áp dụng đồng bộ trên diện rộng đối với những diện tích, loại cây có đủ điều kiện phù hợp;

- Nghiên cứu và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ trong xây dựng đầu tư một số công trình hồ chứa nước (hồ treo) đối với vùng đặc biệt khan hiếm nguồn nước để phục vụ tưới cho cây trồng cạn chủ lực.

- Lồng ghép các nguồn lực đầu tư tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên đầu tư các công trình hồ chứa quy mô vừa và nhỏ, các trạm bơm, kiên cố hệ thống kênh dẫn nước để tạo nguồn nước tưới cho những vùng cây trồng cạn chủ lực tập trung; đồng thời cung cấp nước cho khu vực đất dốc để tăng diện tích đất canh tác, tăng vụ và khai thác hiệu quả, bền vững vùng đất dốc của một số khu vực trên địa bàn tỉnh.

3.4- Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản:

- Nghiên cứu, ứng dụng xây dựng mô hình áp dụng công nghệ cấp nước, tiết kiệm nước, trữ nước hợp lý đảm bảo môi trường sinh thái, đồng thời ứng dụng công nghệ tiên tiến xử lý nước để nâng cao chất lượng nước phục vụ nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa thủy lợi và cung cấp nước cho các ao, hồ nhỏ chuyên nuôi thủy sản.

- Tập trung đầu tư tu sửa, nâng cấp và nạo vét lòng hồ để đảm bảo an toàn và tăng dung tích trữ nước, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, trong đó có cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản trên ruộng và tận dụng mặt thoáng các công trình hồ, ao nhỏ để phát triển nuôi trồng thủy sản; Rà soát diện tích lưu vực đầu nguồn các hồ chứa để đề xuất kế hoạch trồng rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước để phục vụ sản xuất và nuôi trồng thủy sản. Phân đầu đến năm 2020 tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh là 12.213 ha. Trong đó 775 ha tận dụng mặt thoáng hồ thủy lợi; 2009 ha diện tích ao hồ nhỏ; 56 ha nuôi cá ruộng và 9.372ha mặt thoáng hồ thủy điện.

3.5- Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ chứa:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình an toàn hồ chứa, rà soát các hồ đập có nguy cơ mất an toàn, kiểm định đập, đánh giá lại các thông số của hồ chứa (lưu lượng lũ, dòng chảy đến...) theo mức đảm bảo an toàn hồ đập. Đề xuất đầu tư thiết bị quan trắc tại một số hồ chứa có dung tích từ $1 \times 10^6 m^3$ nước trở lên, từng bước nâng mức đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

- Tập trung, rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên, đề xuất với các Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh bố trí kinh phí, lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn để đầu tư tu sửa, nâng cấp đảm bảo an toàn các công trình hồ chứa. Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh Tuyên Quang tu sửa, nâng cấp được 207 công trình hồ chứa hiện đang bị hư hỏng, xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn công trình và cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp (có biểu 02 kèm theo).

3.6- Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai:

- Thành lập, củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực Ban chỉ huy PCTT- TKCN các cấp và cán bộ làm công tác PCTT trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật phòng, chống thiên tai. Trong đó tổ chức quản lý hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 thành lập quỹ phòng, chống thiên tai và Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông và quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho các vùng; Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện phòng chống thiên tai theo bộ chỉ số theo khung đánh giá.

- Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè sông, kè suối để đề xuất các giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng, chuyển giao phát triển các công nghệ tiên tiến, như: Công nghệ ảnh vệ tinh, công nghệ thông tin, vật liệu mới để nâng cao năng lực dự báo trong phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn đập và phòng chống lũ cho hạ lưu, quản lý khai thác công trình thủy lợi; Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các giải pháp công nghệ tiên tiến phục vụ thiết kế, thi công các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng theo Chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kế hoạch của UBND tỉnh.

4. Huy động nguồn lực:

Xác định việc thực hiện Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi được triển khai thực hiện đồng thời với các quy hoạch ngành, các chương trình mục tiêu và các chính sách hỗ trợ sản xuất. Do đó việc huy động nguồn lực cho thực hiện Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi trên nguyên tắc là lồng ghép các nguồn vốn như: Vốn cấp phát từ ngân sách Trung ương cho các tỉnh thực hiện mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn cấp bù thủy lợi phí hàng năm, vốn WB8, vốn các chương trình, dự án, vốn sự nghiệp khoa học, vốn bố trí từ nguồn ngân sách địa phương cho thực hiện chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn vốn hỗ trợ, hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phân công nhiệm vụ:

1.1- Các đơn vị trực thuộc Sở:

- Chi cục Thủy lợi, Ban quản lý khai thác CTTL Tuyên Quang, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Chi cục Thủy sản theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu triển khai kế hoạch này chủ động thực hiện tốt kế hoạch Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi. Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai kế hoạch đảm bảo kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Các đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo nội dung kế hoạch.

1.2- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới phù hợp với nội dung kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để điều phối, bố trí nguồn vốn đầu tư tu sửa, nâng cấp, đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi theo kế hoạch và nhu cầu của địa phương; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội cho phát triển thủy lợi trên địa bàn.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ tại biểu số 05 kèm theo)

2. Chế độ báo cáo:

2.1- Các đơn vị được phân công theo dõi, tổng hợp: Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, kết thúc năm (hoặc khi có yêu cầu đột xuất) tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT.

2.2- Chi cục Thủy lợi: Đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho lãnh đạo Sở báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Bộ Nông nghiệp và PTNT theo yêu cầu.

Căn cứ tình hình thực tế từng thời điểm, kết quả thực hiện và chỉ đạo của cấp trên chủ động tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Sở điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của Đề án. / *Ug*

Nơi nhận: *h*

- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- UBND các huyện, TP;
- Phòng KH- TC;
- TT Nước sạch và VSMTNT;
- Ban quản lý khai thác Tuyên Quang;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu : VT_{Bình}.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Thắng

**ĐỀ XUẤT DANH MỤC CTTL BỊ HƯ HỎNG XUỐNG CẤP CẦN NÂNG CẤP, SỬA CHỮA
BẰNG NGUỒN KINH PHÍ CẤP BÙ THỦY LỢI PHÍ VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 2819/KH-SNN ngày 17/12//2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)

TT	Tên huyện (TP) Tên công trình	Loại công trình	Địa điểm xây dựng (xã)	D/tích tưới (ha)		Hiện trạng hư hỏng	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ghi chú
				Đông xuân	Mùa			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	98		1.270,87	1.337,54			
I	Lâm Bình	11		329,69	346,51			
1	Phai Kén	Đập xây	Thổ Bình	69,99	70,06	- Sạt lở kè đá xây bảo vệ mương có chiều dài 162m, chiều cao trung bình 1,45m làm nước cuốn trôi 16m kênh xây mặt cắt 30x30cm. - Sạt lở kè đá xây bảo vệ mương có chiều dài 300m, cao 4m. Nên đã làm sạt lở 20m kênh xây mặt cắt 30x30cm.	Xây dựng lại 2 đoạn kè bị sạt lở bằng kè rọ đá. Ước khối lượng rọ đá là 1435m ³ và 16m kênh mặt cắt 30x30cm.	Đã thẩm định vốn chống hạn năm 2015
2	Vằng Áng	Rọ thép	Thổ Bình	55,39	60,52	- Tuyến kênh qua nhà ông Chiêu bị sạt lở kè đá xây bảo vệ mương có chiều dài 40m, chiều cao trung bình 4,5m. - Sân tiêu năng bằng rọ thép có kích thước dài L = 32 m, rộng 6,0 bị phá hỏng hoàn toàn	Xây dựng lại đoạn kè bị sạt lở bằng rọ đá để bảo vệ tuyến kênh và sân tiêu năng	Đã thẩm định vốn chống hạn năm 2015
3	Phai Thuông	Đập xây	Thổ Bình	17,60	17,60	Sân tiêu năng kết cấu đá xây có kích thước dài 40m, rộng 8,0m, dày 0,4m hiện bị phá hỏng hoàn toàn	Xây dựng lại sân tiêu của công trình như thiết kế ban đầu	Đã thẩm định vốn chống hạn năm 2015
4	Phai Pang	Đập xây	Thổ Bình	38,00	38,00	Tuyến kênh chính mặt cắt (60x60)cm bị sập gãy một bờ với chiều dài 100m và có nguy cơ gãy vỡ đoạn kênh; Hạ lưu suối Khánh (sau đập phai Pang) bị đổi dòng gây mất diện tích canh tác của thôn Nà Bó	Tu sửa 100m tuyến kênh chính; Đắp đất ngăn lòng suối bị đổi dòng, khơi thông lòng suối cũ với chiều dài 140m	Đã thẩm định vốn chống hạn năm 2015
5	Nà Đông	Rọ thép	Thổ Bình	55,19	55,16	Lũ gây sạt lở bờ suối với chiều dài 110m, chiều cao trung bình 3m có nguy cơ gây sạt lở tuyến kênh tưới	Xây dựng lại đoạn kè bị sạt lở bằng rọ đá để bảo vệ tuyến kênh tưới	Đã thẩm định vốn chống hạn năm 2015

1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Phai Pooi	Phai tạm	Hồng Quang	5,70	5,70	Phai tạm hàng năm thường xuyên bị lũ cuốn trôi	Nâng cấp thành đập xây kiên cố	
7	Nà Xé	Rọ thép	Bình An	2,58	3,41	Đập đầu mỗi hư hỏng, xuống cấp	Nâng cấp thành đập xây kiên cố	
8	Nà Thuôn	Đập xây	Thượng Lâm	16,05	25,87	Đập đầu mỗi kết cấu đá xây hiện bị rò rỉ nước qua thân đập và gây sụt lún một số vị trí mái hạ lưu đập.	Xử rò rỉ thân đập và lún mái đập	
9	Thảm Pậu	Đập xây	Lăng Can	15,58	15,58	Bờ suối chính phía hạ lưu đập Thảm Pậu bị sạt lở với chiều dài khoảng 108 m. Hiện tại mép bờ suối cách tuyến kênh Thảm Pậu đoạn gần nhất là 2,0 m và có nguy cơ sạt lở tiếp gây mất an toàn cho công trình	Kè lại bờ suối với chiều dài 108m để đảm bảo an toàn cho công trình	
10	Pác Tra	Đập xây	Lăng Can	7,75	7,75	Xi phong ống kẽm D100 qua suối cách đập khoảng 100 m bị tắc 01 ống làm ảnh hưởng tới nhu cầu cấp nước cho công trình	Thay ống xi phong bằng ống thép đảm bảo tải đủ lưu lượng và an toàn khi vận hành công trình	
11	Phiêng Luông	Đập xây	Bình An	45,86	46,86	- Tường cánh bên trái bằng đá xây hiện có nước rò rỉ thành dòng lớn tại nhiều vị trí. - Đáy sân tiêu năng bằng đá xây, hiện có nước đùn lên tại 02 vị trí cách chân đập 1m, cách tường cánh bên trái 3m.	Trát vữa xi măng những chỗ bị bong tróc, gia cố vai trái đập phía thượng lưu bằng tường bê tông (ước khối lượng bê tông 60m ³); xử lý sân tiêu năng.	Đã thẩm định vốn Nông thôn mới năm 2015
II	Na Hang	11		64,45	66,25			
1	Vằng Đình	Đập xây	Năng Khả	6,24	6,24	Hạ lưu đập xói lở, hờ hàm ếch dài khoảng 12m, sâu trung bình 1,0 m, mặt tràn hạ lưu bị bong tróc có nguy cơ bị lũ cuốn trôi, kênh mương bị rò rỉ.	xây kè lại đoạn chân đập bị sới lở và hờ hàm ếch, trát lại mặt tràn hạ lưu và kênh bị rò rỉ.	
2	Phai Cườm	Đập xây	Năng Khả	8,96	8,96	Tường cánh bị gãy, sân tiêu năng bong tróc toàn bộ, kênh tưới bị rò rỉ có nguy cơ bị phá hủy do lũ.	Xây lại tường cánh, sân tiêu năng, trát và lán lại toàn bộ tuyến kênh bị rò rỉ.	
3	Nà Tấu	Đập xây	Sinh Long	0,90	1,70	Đập đầu mỗi kết cấu đá xây, chiều dài khoảng 20m, cao 2,0 m, mưa lũ làm sới trôi một nửa thân đập; Tuyến kênh xây dài 200m bị rò rỉ	Xây dựng mới đập đầu mỗi và sửa chữa, trát chít lại đoạn kênh bị nước rò rỉ	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Khuổi Bốc	Đập xây	Sinh Long	2,00	2,00	Đập đầu mối kết cấu đá xây có chiều dài 30, chân móng đập bị nước xói hờ hàm ếch với chiều dài 20m, sâu vào thân đập trung bình từ 0,4m - 0,7m	Đào xúc toàn bộ phần đất bùn tại vị trí chân móng bị hờ hàm ếch và xây trát lại như hiện trạng ban đầu	
5	Phai Dân	Đập xây	Thanh Tương	9,60	9,60	Tường cánh phía bên trái đập bị nứt gãy 3,5 m, nghiêng 60°, móng đập bị hờ hàm ếch, có nguy cơ bị lũ cuốn trôi toàn bộ đập	Tu sửa, nâng cấp đập đầu mối	
6	Bản Lăn 1	Đập xây	Sơn Phú	1,90	1,90	Mái hạ lưu đập bị bong tróc lớp trát dài khoảng 2,0m, sâu khoảng 0,3 m, chân tường cánh bị hờ hàm ếch dài khoảng 0,5 m, sâu 0,3 m; mặt sân tiêu năng bị bong lớp trát toàn bộ, chân móng tường sân tiêu năng bị xói mòn, hờ hàm ếch dài 7,0 m, sâu trung bình 0,5 m.	Xây trát lại các hạng mục bị hư hỏng	
7	Nà Bua	Rọ thép	Thượng Nông	3,95	3,95	Đập rọ thép dài 15m, cao 1,5m bị lũ cuốn trôi hoàn toàn	Xây lại đập bằng đá xây	Đã thẩm định vốn Chống hạn năm 2015
8	Nà Khánh (Đông Đa 1+2)	Đập xây	Thượng Nông	22,90	22,90	100m kênh dẫn nước mặt cát (1x1)m dày 0,3m bị gãy, hỏng, nghiêng thành	Xây hoàn trả lại như hiện trạng ban đầu	
9	Nà Pầu	Phai tạm	Đà Vị		1,00	Mưa lũ làm xói lở và trôi một nửa thân đập, Tuyến kênh xây dài 400m bị rò rỉ khoảng 200 m.	Xây lại thân đập bị hư hỏng, trát lại toàn bộ tuyến kênh bị rò rỉ.	
10	Nà Luồi	Rọ thép	Yên Hoa	3,30	3,30	Đập rọ thép dài 10,5m, rộng 1,5m, cao 1,2 m bị nước lũ cuốn trôi hoàn toàn	Xây lại đập bằng đá xây	Đã thẩm định vốn Chống hạn năm 2015
11	Nà Lặc	Đập xây	Yên Hoa	4,70	4,70	Hiện tại đập đầu mối kết cấu rọ thép, chiều dài 21m, cao 1,0m đã bị lũ cuốn trôi hoàn toàn, hiện đang khắc phục tạm thời bằng cách xếp đá khan;	Xây dựng lại đập đầu mối	
III	Chiêm Hóa	15		128,55	153,66			
1	Đồng Mo	Rọ thép	Hòa Phú	9,07	9,07	Đập rọ thép dài 36m, cao 2m, đỉnh rộng 1m, hàng năm đến mùa mưa lũ thường bị lũ cuốn trôi rọ thép (tháng 7/2013 đã thay mới 22 rọ thép). Để đảm bảo lâu dài cần nâng cấp công trình.	Nâng cấp đập đầu mối	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Tó cây	Rọ thép	Yên Nguyên	40,59	40,59	Rọ thép có chiều dài 32m, chiều cao 3,5m. Công trình rọ thép đã xuống cấp, nguy cơ chuyển hướng dòng chảy	Trước mắt khắc phục tạm thời bằng cách kê rọ thép chống sạt lở ước 18 rọ kích thước (2x1x0,5)m. Về lâu dài để đảm bảo an toàn cho công trình cần đầu tư sửa nâng cấp thành đập xây	
3	Búc Hạm	Hồ chứa	Thị trấn Chiêm Hóa	5,10	5,10	Đập đầu mối là đất đắp đồng chất, chiều dài đập 38 m, chiều cao 9 m, chiều rộng mặt đập 6 m, hiện nước bị thấm xuống nền tại vị trí van xả nước ở đầu cống dưới đập phía hạ lưu. Trần xả lũ kết cấu đá xây nằm phía vai trái đập, có chiều dài 9m, chiều rộng $(B1+B2)/2=(3+1,2)/2=2,1m$, hiện bị bong tróc rò rỉ tại nhiều vị trí, một số vị trí bị xói tạo thành hố	Xây trát lại những chỗ bị bong chóc, rò rỉ trên trần xả lũ; đổ bê tông lại buồng lấy nước tại van xả đầu cống.	
4	Nà Khoa	Phai tạm	Nhân Lý	6,00	6,00	Công trình bị hư hỏng nặng	Nâng cấp thành đập xây kiên cố	
5	Cốc Pái 2	Rọ thép	Nhân Lý	6,00	6,00	Công trình bị hư hỏng nặng	Nâng cấp thành đập xây kiên cố	
6	Khuổi Hời 2	Đập xây	Trung Hà	8,30	16,97	Phía thượng lưu đập bùn cát bồi lấp lên đến đỉnh đập; Mái hạ lưu đập đầu mối có nhiều vị trí bị xói lở tro đá hộc, kích thước khoảng $(10 \times 1,65 \times 0,2)m = 3,5m^3$; Sân tiêu năng kết cấu bằng đá xây bị xói lở hoàn toàn, ước khối lượng bị xói lở $62m^3$;	Tu sửa đập đầu mối và xây dựng lại sân tiêu năng đảm bảo công trình an toàn. Nạo vét bùn cát phía thượng lưu đập.	
7	Khuổi Tho	Đập xây	Hà Lang	11,51	11,51	Đập đầu mối kết cấu đá xây, hiện đã hư hỏng, xuống cấp gây rò rỉ nước tại nhiều vị trí trên thân đập; Hai nhánh kênh dẫn nước kết N1 và N2 kết cấu bê tông, thành kênh một số đoạn bị đổ, đáy kênh bị rò rỉ. Đoạn cống qua đường N1 bị xập.	Tu sửa, nâng cấp đập đầu mối và 2 tuyến kênh dẫn nước N1, N2	
8	Thác Ca	Rọ thép	Bình Phú	4,62	4,62	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 60m, cao 1m bị hư hỏng nặng, suối chuyển dòng làm xói lở mạnh hai bên bờ, xói trực tiếp vào đất sản xuất nông nghiệp (khoảng 70m chiều ngang), hiện tại vị trí xói đã gần đến diện tích đất quy hoạch của trường THCS xã Bình Phú	Tu sửa đập rọ thép; Xây dựng 70m kè bảo vệ chống gây xói lở bờ	Đã thẩm định vốn 135 năm 2015

1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	Phai Thung	Rọ thép	Phúc Sơn	9,58	23,96	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 28m, cao 1,5m, đỉnh rộng 1m; hiện bị hư hỏng nặng, toàn bộ rọ thép bị han rỉ, lũ cuốn trôi một nửa lớp đá phía trên	Hiện nay đang xếp đá, bao tải đất để dâng nước phục vụ sản xuất. Về lâu dài cần đầu tư tu sửa hoặc làm đập xây kiên cố	
10	Nà Khô	Rọ thép	Linh Phú	1,74	1,74	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 6m, cao 1,5m, đỉnh rộng 2m; lũ cuốn trôi toàn bộ đập rọ thép	Kiên cố đập đầu mối để đảm bảo an toàn cho công trình	
11	Phai Muối	Rọ thép	Linh Phú	3,84	3,84	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 8m, cao 2,5m, đỉnh rộng 2m; lũ cuốn trôi toàn bộ đập rọ thép	Kiên cố đập đầu mối để đảm bảo an toàn cho công trình	
12	Phai Mãn	Rọ thép	Kiên Đài	8,48	8,98	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 16m, cao 2m, đỉnh rộng 2m; lưới thép đập đầu mối bị han gỉ và đứt gãy rất nhiều, 8 rọ thép trên cùng bị lũ cuốn trôi, số rọ thép còn lại bị han rỉ; sân tiêu năng (9x3x0,3)m bị lũ cuốn trôi hoàn toàn.	Tận dụng đá còn lại để xếp, kết hợp bao tải đất đắp để dâng nước phục vụ sản xuất. Về lâu dài phải xây dựng lại đập, sân tiêu năng.	
13	Phai Chủ	Đập xây	Kiên Đài	5,59	5,90	- Đập đầu mối kết cấu đá xây, chiều dài 23m, cao 2m, đỉnh rộng 0,8m. Mái hạ lưu bị sạt lở, kích thước 23x0,5x0,3; phía thượng lưu đập có bùn cát bồi lắng ngang bằng đỉnh đập; - Tường cánh bên phải bị đổ sập một đoạn, kích thước 2x2x0,5.	Tu sửa đập, tường cánh; nạo vét bùn cát thượng lưu đập	
14	Phai Báng	Đập xây	Kiên Đài	3,94	4,70	Đập đầu mối kết cấu đá xây, chiều dài 80m, cao 2m, đỉnh rộng 0,8m. Thân tường cánh trái bị sạt lở, kích thước 2x0,4x0,2; phía thượng lưu đập bùn cát bồi lắng nhiều;	Tu sửa tường cánh; nạo vét bùn cát lòng đập	
15	Phai Hiến	Rọ thép	Kiên Đài	4,20	4,69	Đập đầu mối kết cấu rọ đá, dài 25m, cao 1,5m, đỉnh rộng 1m; lưới thép đập đầu mối bị han gỉ và đứt gãy rất nhiều, thân đập lũ cuốn trôi khoảng 65%.	Tận dụng đá còn lại để xếp, kết hợp bao tải đất đắp dâng nước phục vụ sản xuất. Về lâu dài phải xây dựng lại đập, sân tiêu năng.	
IV	Hàm Yên	14		215,98	223,98			
1	Đồng Nghiêm	Đập xây	Nhân Mục	73,96	76,45	Tường cánh hữu có kết cấu đá xây, kích thước (20x7)m đã xuất hiện nhiều vết nứt nhỏ trên thân tường làm nước rò rỉ từ thượng lưu xuống; chân tường cánh bị nước xói lộ móng. Phía thượng lưu bùn cát bồi lắng nhiều.	Tu sửa tường cánh đập, nạo vét bớt lượng bùn đất bồi lắng phía thượng lưu đập	Đã thẩm định vốn Nông thôn mới năm 2015

1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Ông Chuyên	Đập xây	Minh Dân	5,83	5,83	Đập kết cấu đá xây, thân đập chiều dài 25m, rộng 1,5m, cao 4m bị rò rỉ nhiều	Tu sửa nâng cấp đập đầu mối	
3	Bà Thơ	Đập xây	Minh Dân	2,49	2,49	Đập kết cấu đá xây, thân đập chiều dài 45m, rộng 2m, cao 1,7m bị rò rỉ nhiều	Tu sửa nâng cấp đập đầu mối	
4	Thâm Xoáy	Phai tạm	Yên Thuận	4,13	4,28	Hệ thống bờ đập dâng nước xuống cấp và bị sạt lở 25 m nương dẫn nước	Nâng cấp đập đầu mối	
5	Phai Mang	Rọ thép	Phù Lưu	0,52	0,52	Toàn bộ đập rọ thép đã bị lũ cuốn trôi, kênh nương nương bị gãy và đất đá vùi lấp	Xây mới đập đầu mối, tu sửa đoạn kênh bị gãy.	
6	Quang cũ	Phai tạm	Phù Lưu	7,96	8,04	Đầu mối là công trình tạm có chiều dài L = 60m, cao H = 1,2m, rộng B = 1m thường xuyên bị lũ cuốn trôi	Nâng cấp đầu mối để đảm bảo an toàn công trình và cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp	
7	Khâu Linh	Phai tạm	Phù Lưu	2,68	3,40	Đầu mối là công trình tạm có chiều dài L = 18m; rộng B = 1,5m; cao H = 3m thường xuyên bị lũ cuốn trôi; Hệ thống kênh nương có 100m là kênh bê tông và 1000m là kênh đất.	Nâng cấp đầu mối để đảm bảo an toàn công trình và cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp	Đã thẩm định vốn Nông thôn mới năm 2015
8	Bản Luyện	Đập xây	Minh Hương	8,83	8,98	Đập đầu mối kết cấu đá xây có chiều dài L = 8,0m; cao đập H=2,0m, rộng đập R=1,0m; tường cánh cao so với mặt đập L=1m; dày tường cánh D = 0,4m, dài tường cánh L = 7m. Hiện tại công trình bị xuống cấp nghiêm trọng, thân đập bị rò rỉ nhiều chỗ	Xây dựng lại đập đầu mối	
9	Phai Kẽm	Đập xây	Bình Xa	85,89	86,00	- Đoạn kênh qua sườn đồi thuộc thôn Thác Lường có nguy cơ bị gãy do sườn đồi dưới kênh bị sạt lở lớn (chiều dài sạt lở là 20m)	Xây kè bảo vệ kênh	
10	Ông Điền	Hồ chứa	TT Tân Yên	1,71	1,71	Thân đập dài 47 m, cao 4 m, đỉnh rộng 3m. Hiện tại mái thượng lưu và hạ lưu đập bị sạt lở nghiêm trọng. Đập không có tràn xả lũ	- Đắp bồi trúc lại mái thượng lưu và hạ lưu đập - Xây dựng tràn xả lũ	
11	Ông Nhân	Rọ thép	Thái Hoà	10,18	11,52	Đập đầu mối kết cấu đá xây dài 10m, rộng 0,7m, cao 1m do quá trình sử dụng lâu ngày rọ thép bị han rỉ xuống cấp dẫn đến rò rỉ thân đập	Xây lại đập bằng đá xây với kích thước dài 10m, rộng 0,7m, cao 1m	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Cây Cóc	Hồ chứa	Thái Hoà	4,45	7,42	Trần xả lũ bằng đất kích thước L= 10m, B=5m, C=4m do mưa lũ, nước trên đồi đổ xuống phần tiêu năng của tràn làm sỏi sâu trong lòng tràn	Kiên cố tràn xả lũ	
13	Thanh Xuân	Đập xây	Tân Thành	3,19	3,19	Đập dài 7m, đỉnh rộng 2m, cao 3m, thân đập có nhiều chỗ rò rỉ; Sân tiêu năng kích thước (10x5x0,4)m bị xói lở nhiều chỗ	Nhồi vữa xi măng và trát lại những chỗ rò rỉ trên thân đập; Xây lại sân tiêu năng	
14	Bản Nhạn	Đập xây	Bằng Cốc	4,15	4,15	Đập kết cấu đá xây ; . Sân tiêu năng kích thước 15x15x0,3. Đập đầu mối kết cấu đá xây có kích thước dài 15m, cao 7m, đỉnh rộng 1m, hiện thân đập rò rỉ nước tại nhiều vị trí, mái hạ lưu đập bị bong tróc; Tường cánh đập có kích thước dài 10m, cao 2m, dày 0,6m hiện có vết nứt kéo dài từ đỉnh xuống chân tường dài 2m; Sân tiêu năng bị xói lở tại nhiều vị trí; 11m kênh lấy nước bị gãy do sụt lún đất (Đoạn kênh gần nhà Văn Hóa)	Tu sửa thân đập, tường cánh và sân tiêu năng, xây lại đoạn kênh bị gãy	
V	Yên Sơn	25		224,74	246,35			
1	Đồng Cang	Rọ thép	Mỹ Bằng	5,00	5,00	Đập đầu mối kết cấu rọ thép có kích thước dài 23m, rộng 2m, cao 1m hiện bị hư hỏng nặng	Nâng cấp kiên cố đầu mối	
2	Ông Mãnh	Rọ thép	Phú Lâm	9,14	11,24	Đầu mối hoạt động bình thường, hệ thống kênh mương dài 500m, kênh BT (30 x 30)cm hư hỏng hoàn toàn	Tu sửa lại đoạn kênh bị hư hỏng theo kích thước ban đầu	
3	Ngòi Hin	Đ.xây	Lang Quán	10,00	10,42	Đập xây đầu mối hư hỏng hoàn toàn	Cải tạo, nâng cấp đập đầu mối	
4	Đồng Nhảm	Đ.xây	Công Đa	4,00	4,00	Đập đầu mối kết cấu đá xây có chiều dài 10m, cao 1,50 bị nước lũ gây xói lở nhiều chỗ trên thân đập. Tuyến kênh đất Đông Hùm bị xói lở dài 7,00m rộng 1,0m cao 1,50m; 16m kênh kênh bị rò rỉ đáy	Tu sửa nâng cấp đập đầu mối và khắc phục đoạn kênh mương hư hỏng bằng cách thay đường ống xi phông dài 16,00m; đổ bê tông đáy 25,00m kênh bị rò rỉ	
5	Lương Cải	Đ.xây	Công Đa	8,00	8,00	Đập đầu mối kết cấu đá xây dài 18,0m, rộng đỉnh 1,0m, cao 2,0m bị bong tróc mái hạ lưu; Sân tiêu năng dài 18,0m, rộng 5,0m bị xói lở hoàn toàn	Gia cố, tu sửa lại mái hạ lưu đập; Xây lại sân tiêu năng bằng đá hộc	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Góc Mít	TB điện	Trung Sơn	2,00	2,00	Xói móng, nghiêng bề đặt máy bơm	Di chuyển máy bơm đến vị trí khác	
7	Bắc Nạc	Rọ thép	Tân Tiến	4,00	6,00	Rọ thép bị han rỉ cuốn mất 2 hàng rọ Kích thước chiều dài L=26,0m, chiều rộng B=4,0, chiều cao H=1,0m	Làm mới đập rọ thép, khối lượng 52cái	
8	Ba Tầng	M T/chảy	Tân Long	2,35	2,35	Ống Xi phong sắt đặt dưới lòng suối do mưa lũ nên cột đỡ bê tông, ống xi phong đường kính 200mm. gãy và vùi lấp. Ban quản lý đã khắc phục tạm thời bằng ống nhựa đường kính D=90cm để phục vụ sản xuất.	Đổ cột bê tông, đào ống sắt bị vùi lấp dưới lòng suối. Nâng ống xi phong đường kính 200mm lên cột bê tông theo hiện trạng ban đầu để đảm bảo phục vụ sản xuất.	
9	Tân Tiến	Đập xây	Tân Long	50,52	53,83	- Tường cánh gà 2 bên bị hư hỏng kích thước tường cánh gà bên trái dài L= 5,0m, cao H= 4,0 bị gãy, thủng, nước chảy ngầm qua chân tường. Tường cánh gà bên phải thủng, nước chảy qua chân tường đường kính D= 0,10m	- Sửa chữa khắc phục công trình theo kích thước hiện trạng ban đầu.	
10	Phú Bình	Đập xây	Thái Bình	40,00	40,00	Chân Trụ đỡ cầu máng bị nước xuôi xói lở hàm ếch; 8m cầu giao thông trên kênh bị mục nát, 6m thành kênh xây bị vỡ	Kè rọ thép gia cố trụ đỡ cầu máng chống xói lở; Đổ bê tông tấm nắp phần cầu giao thông trên kênh, đổ bê tông thành kênh bị vỡ	
11	An Lạc	TB điện	Xuân Vân	1,50	1,60	Đoạn kênh dài 800m, mặt cắt 40x40cm bị rò rỉ đáy và thành kênh tại nhiều vị trí. Trong đó có 500m xuống cấp nặng cần xây lại và 300m có thể trát chít vữa xi măng	Về lâu dài cần xây lại 500m và trát chít 300m kênh để đảm bảo dẫn nước tưới	
12	Lương Trung	Hồ chứa	Xuân Vân	1,42	1,42	Trần xả lũ, kết cấu đập lát đá khan, mặt tràn dài 11,20m, rộng 6,0m. Hiện nay mặt tràn đã bị sỏi mòn và sạt lở hoàn toàn với kích thước hư hỏng dài 11,20m, rộng 6,0m, dày 0,30m. Đỉnh tràn kích thước dài 4,0m, rộng 6,0m hiện bị đất bồi cao 1,2m, rộng 6,0m.	Lát đá khan đỉnh tràn và mặt tràn theo kích thước ban đầu.	
13	Góc Téch	Đ.xây	Kiến Thiết	5,00	5,00	Thân đập, sân tiêu năng và tường cánh bị xói lở nặng. Cổng lấy nước bị bùn cát bồi lấp, 10m kênh bị hỏng	Tu sửa, nâng cấp những hư hỏng của công trình	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Đồng Tè	Đập xây	Kiến Thiết	4,00	5,00	Đập đầu mối rò rỉ; sân tiêu năng bằng đá xây kích thước (bxh) = (11,0x4,5)m bị xói lở, trôi hoàn toàn	Tu sửa, nâng cấp công trình	
15	Làng Un	Phai tạm	Kiến Thiết	1,26	1,26	Phai đầu mối (đắp đất) bị hư hỏng hoàn toàn, kích thước chiều dài: L=14m. Chiều rộng thân phai B=0,8m. Chiều cao: H=1,0m	Xây dựng đập dâng kiên cố	
16	Phai Giếng	Rọ thép	Lực Hành	2,40	3,20	Đập đầu mối kết cấu bằng rọ thép có chiều dài L=8,0m, cao H=1,2m do xây dựng đã lâu năm nên hiện nay rọ thép đã bị han rỉ, không còn rọ, trước mỗi vụ sản xuất nhân dân thường xuyên phải đắp đất, bao tải ngăn nguồn nước phục vụ sản xuất; 100m kênh sau cống lấy nước, chạy theo sườn đồi chưa được kiên cố khó khăn trong việc dẫn nước.	Kiên cố công trình đầu mối và 100,0m kênh sau cống lấy nước.	
17	Ao Nong	Hồ chứa	Lực Hành	4,50	6,00	Cống điều tiết kết cấu ống thép D150, van hạ lưu, van hoạt động bình thường, nhưng khi vận hành điều tiết nước thì nước bị tắc không lưu thông qua cống, Ban quản lý đã chủ động thuê người kiểm tra xác định bị tắc cống qua đập không thể cung cấp nước phục vụ sản xuất.	Đào đất qua thân đập kiểm tra sửa lại cống điều tiết, đắp hoàn trả	
18	Nà Ngam	Phai tạm	Trung Trực	1,50	1,50	Hệ thống kênh mương tổng chiều dài L=200m, mặt cắt 40x40, do hệ thống kênh nằm theo ven sườn đồi đất trên đồi sạt lở thường xuyên khó khăn trong việc dẫn nước vào ruộng	Xây dựng lại 200m kênh	
19	Cô Ba	Đập xây	Phúc Ninh	1,50	1,50	Đập đầu mối kết cấu đá xây đã xuống cấp, hư hỏng rò rỉ khắp thân đập	Tu sửa đập đầu mối	
20	Đầu Nguồn	Đập xây	Phúc Ninh	1,33	1,33	150m kênh dọc tuyến đường liên huyện bị rò rỉ, hư hỏng gây thoát thoát nước	Xây dựng lại đọ kênh hư hỏng	
21	Kim Sơn	Đ.xây	Chân Sơn	5,00	5,00	Hư hỏng đập đầu mối	Cải tạo, nâng cấp đập đầu mối	
22	Biện Nam	Đ.xây	Chân Sơn	5,00	5,00	Hư hỏng đập đầu mối	Cải tạo, nâng cấp đập đầu mối, kiên cố kênh tưới	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	Khuôn Cò	Hồ chứa	Hoàng Khai	7,21	7,21	Bồi lắng lòng hồ với dung tích bồi lắng ước 2.000m ³	Nạo vét lòng hồ	
24	Cầu Đò	Đập xây	Trung Môn	16,09	21,46	Đập dài 14m, đỉnh rộng 1,5m, cao 2,5m; sân tiêu năng dài 14m, rộng 3m. Kết cấu đập và sân tiêu năng bằng đá xây, hiện thân đập rò rỉ, xuống cấp nặng, sân tiêu năng bị hư hỏng hoàn toàn.	Tu sửa nâng cấp đập đầu mối, sân tiêu năng.	
25	Trung Lý	Đập xây	Trung Môn	32,02	37,04	Đập đầu mối kết cấu đá xây dài 12m, cao 3m; sân tiêu năng dài 14m, rộng 3m, có 2 trụ đỡ bằng gạch xây chia thân đập thành 3 khoang, các khoang có tường chắn nước bằng bê tông dày 20cm, kết cấu tường cánh bằng gạch xây có trụ đỡ. Thời điểm hiện tại toàn bộ trụ đỡ, tường bê tông chắn nước và 2 bên tường cánh đã xuống cấp; 50m kênh dẫn nước (bxh=0,45x0,4cm) bằng gạch xây bị hỏng hoàn toàn; Đường quản lý dài 85m bị sỏi lở đi lại khó khăn	Tu sửa nâng cấp đập đầu mối, xây lại đoạn kênh bị hỏng; Làm mới 85m đường quản lý	Đã thẩm định vốn Chống hạn năm 2015
VI	Son Dương	4		127,50	121,20			
1	An Khang	Đập xây	Đông Lợi	39,00	39,00	Xi phông D200, dài 12 m bị rò rỉ; Cầu máng dài 15 m, kích thước (b x h) = (40 x 40)cm bị nứt, rò rỉ.	Thay mới 12m xi phông D200 và kiên cố lại 15 m cầu máng của công trình	
2	Tai Chua	Đập xây	Đại Phú	14,20	14,20	Thân đập bị rò rỉ, sân tiêu năng bị vỡ khối xây	Bọc bê tông cốt thép thân đập xây và kiên cố sân tiêu năng	
3	Đèo Chấn	TB thủy luân	Minh Thanh	65,40	65,40	Sạt lở bờ sông gây sạt lở bờ sân tiêu năng của đập dâng nước phía xã Trung Yên với chiều dài sạt lở 50m	Già cơ sở sông chiu dài 50m để tránh sạt lở tiếp, bảo vệ sân tiêu năng và đập dâng nước	
4	Đồng Giềng	Đập xây	Trung Yên	8,90	2,60	Sân tiêu năng kết cấu đá xây, mặt sân tiêu năng bị rò rỉ, bong tróc, vỡ khối xây	Kiên cố lại sân tiêu năng bằng bê tông cốt thép	
VII	TP T.Quang	18		179,96	179,59			
1	Cầu Đá	TB điện	Hung Thành	19,08	19,08	Trạm bơm chìm được đầu tư xây dựng đã lâu, máy bơm xuống cấp hư hỏng liên tục	Thay máy bơm mới	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Phú Túc	Phai tạm	An Tường	7,69	7,69	Thân đập bị hư hỏng hoàn toàn	Nâng cấp thành đập xây, ước chiều dài 25m, chiều cao trung bình 3,0m	
3	Ông Phụng	TB điện	An Tường	17,92	17,92	Hai bên bờ mương dẫn nước vào bể hút dài khoảng 20m, cao khoảng 4m bị bồi lấp đất do sạt lở hai bên bờ mương	Xây kè bảo vệ bờ mương dẫn nước vào bể hút	
4	Đền Cấm	Đập xây	Tràng Đà	8,40	8,40	300m mương đá xây mặt cắt (30x30)cm dẫn nước từ Đền Cấm ra Ao Quãng bị hư hỏng, rò rỉ nặng	Tu sửa, nâng cấp toàn bộ tuyến mương	
5	Thọ Đồng	Hồ chứa	Tràng Đà	10,30	10,30	Tuyến mương Cầu Dây dài 150m kết cấu đá xây mặt cắt (30x30)cm bị hư hỏng, rò rỉ nặng, gây thất thoát nước lớn	Tu sửa, nâng cấp toàn bộ tuyến mương	
6	Hòn Bia	TB điện	Tràng Đà	12,27	12,27	Tuyến kênh dẫn nước Gò Giữa dài 200m kết cấu bê tông bị rò rỉ; 300m kênh dẫn nước đi cánh đồng Tư Văn chưa kiên cố	Tu sửa 200m kênh bị rò rỉ nước; kiên cố hóa 300m kênh đất	
7	Kỳ Lãm	Hồ chứa	Đội Cán	25,30	25,30	Tuyến kênh dẫn nước dài 750m chưa được kiên cố, thường xuyên bị đất cát sạt lở gây bồi lấp	Nâng cấp toàn bộ tuyến mương (lấp xi phông 210m ĐK150mm; kiên cố hóa 540m)	
8	Bà Chấn	Phai tạm	Đội Cán	10,48	10,48	Thượng lưu đầu mối bị bồi lắng nhiều bùn cát; thân phai bị rò, mái thượng lưu sạt lở; Kênh dẫn nước 150m chưa được kiên cố thường xuyên bị bồi lấp	Nạo vét bùn cát bồi lắng thượng lưu đập; Nâng cấp thành đập xây; Kiên cố hóa toàn bộ tuyến mương dẫn nước	
9	Kháng Thọ	Hồ chứa	Đội Cán	13,68	13,68	1.000m kênh dẫn nước chưa được kiên cố, thường xuyên bị đất cát sạt lở gây bồi lấp	Kiên cố hóa toàn bộ tuyến mương dẫn nước	
10	Cầu đất	Đập xây	Đội Cán	3,58	3,58	310m kênh dẫn nước chưa được kiên cố, thường xuyên bị đất cát sạt lở gây bồi lấp	Kiên cố hóa toàn bộ tuyến mương dẫn nước	
11	Gò Đình	Đập xây	Đội Cán	2,48	2,48	720m kênh dẫn nước chưa được kiên cố, thường xuyên bị đất cát sạt lở gây bồi lấp	Kiên cố hóa toàn bộ tuyến mương dẫn nước	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Ồ gà	Phai tạm	Thái Long	3,40	3,40	Thượng lưu đầu mối bị bồi lắng nhiều bùn cát	Nạo vét bùn cát bồi lắng thượng lưu đập; Nâng cấp thành đập xây	
13	Cầu Gát	TB dầu	Thái Long	4,22	4,22	Không có nhà trạm để bảo vệ, vận hành máy bơm. Bể xả tạm kết cấu đá xây không trát hiện xuống cấp	Xây nhà điều hành, nâng cấp bể xả	
14	Công Ích	Đ. xây	Thái Long	9,76	9,76	Thân đập, nền đập rò rỉ mạnh, sụt lún mái hạ lưu	Xác định vị trí rò rỉ, xử lý chỗ rò (bằng bê tông M200) khôi phục lại hiện trạng ban đầu	
15	Đập Xóm 1	Đập xây	Nông Tiến	6,71	6,52	Kênh dẫn nước kết cấu đá xây mặt cắt kênh b _{xh} =30x40cm bị rò rỉ, xuống cấp nặng, tổng chiều dài rò rỉ khoảng 200m.	Tu sửa, nâng cấp 200m kênh bị xuống cấp.	
16	Gò Sờ	Hồ chứa	Nông Tiến	2,14	1,95	Mái thượng lưu đập bị sạt lở tại một số vị trí do sạt mặt nước bị sóng đánh. Thân đập bị sạt lở tại nhiều vị trí	Cần bồi trúc thân đập, lát đá bảo vệ mái thượng lưu đập. L=30m, chiều rộng B=5m, chiều sâu H=0,60m. V=BxHxL=5,0x0,60x30=90m ³	
17	Cầu Máng	TB điện	Ý La	19,38	19,38	Công trình bị hư hỏng, xuống cấp nặng do xây dựng từ năm 1986; Hệ thống kênh mương dẫn nước có 7 tuyến với tổng chiều dài 1.103m hiện đang bị xuống cấp, hư hỏng, rò rỉ gây thất thoát nước lớn	Tu sửa, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh dẫn nước bị hư hỏng, xuống cấp	
18	Quán Hùng	TB điện	Ý La	3,20	3,20	7 tuyến kênh dẫn nước của công trình với tổng chiều dài 1.556m, được xây dựng từ năm 1997 hiện đang xuống cấp, hư hỏng gây rò rỉ thất thoát nước lớn	Tu sửa, nâng cấp hệ thống kênh mương dẫn nước bị xuống cấp	

**ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA HƯ HỎNG, XUỐNG CẤP
CẦN SỬA CHỮA, NÂNG CẤP ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 2819/KH-SNN ngày 17/12/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)

Stt	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng (Xã- Huyện)	Diện tích lưu vực (km ²)	W trữ (10 ⁶ m ³)	Diện tích tưới (ha)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Hạng mục công trình cần sửa chữa			Hiện trạng công trình	Ghi chú
								Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
	TỔNG CỘNG	207 CTTL										
1	Ngòi Là 2	Trung Môn - Yên Sơn	16,7	3,24	154,13	15	556	Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	- Đập đầu mỗi bị sạt lở, xuất hiện dòng thấm - Tràn xả lũ: có hiện tượng lún, nứt gãy - Cổng dưới đập không đảm bảo kín nước	
2	Trung Long	Trung Yên - Sơn Dương	1,53	0,25	25	13	215	Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	- Mái hạ lưu có hiện tượng thấm, lún, sạt trượt kéo dài về phía giữa đập. - Tràn xả lũ bằng đất, đuôi tràn bị xói lở. - Chưa có đường quản lý, cứu hộ đập.	
3	Hải Mô	Đại Phú-Sơn Dương	0,56	0,170002	121,43	11	202	Đập đất		Tràn xả lũ	'- Mái thượng lưu bị xói lở ,Đỉnh đập bị biến đạng. - Tràn xả lũ bị hư hỏng, xói lở nặng, nứt ở thân tràn và chân tường cánh.	
4	Khe Thuyền	Văn Phú - Sơn Dương	4,2	0,9	91,8	15	200	Đập đất		Tràn xả lũ	Mái thượng lưu bị sạt lở, chiều dài 150m, chiều rộng 2,5m, sâu 1m; Cổng điều tiết bị rò ri qua mang cống không đảm bảo an toàn.	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
5	Cây Gạo	Chi Thiết - Sơn Dương	6,4	0,51	145,99	15	200	Đập đất	Cổng lấy nước	Tràn xả lũ	<ul style="list-style-type: none"> - Mái thượng lưu bị sạt lở; Trần xả lũ có 3 lỗ thùng kích thước khoảng 4 cm2 - Đáy hầm van bị rò, khi mở van lấy nước thì nước tràn ra ngoài móng. Khi đóng, mở van điều tiết nước phụt ra với lưu lượng khoảng 5 l/s. 	
6	Cây Dâu	TT Sơn Dương - Sơn Dương	2,5	0,6	102,8	20	65	Đập đất	Cổng lấy nước		<ul style="list-style-type: none"> Đập chính đang sạt lở, xuống cấp Tràn xả lũ bị xói lở nhiều Cổng lấy nước hư hỏng 	
7	Ao Búc	Trung Yên - Sơn Dương	3,5	0,27	91,5			Đập đất			<ul style="list-style-type: none"> - Mái thượng lưu bị sụt lở nhiều ở chân mái - Đỉnh đập bị lún võng tại một số vị trí; xuất hiện dòng thấm trong thân đập và vai đập. - Đường quản lý, cứu hộ đập là đường đất, hẹp, xe cơ giới đi lại khó khăn 	
8	Nà Lừa	Trung Hà - Chiêm Hoá	3	0,34	93	9	80	Đập đất	Cổng lấy nước	Tràn xả lũ	<ul style="list-style-type: none"> Công trình được xây dựng khoảng năm 1979; năm 1980 đập bị vỡ, nhân dân đã đắp lại bằng phương pháp thủ công, không đảm bảo mặt cắt thiết kế (đắp con trạch); Hiện tại đập đầu mối có chiều cao khoảng 15m, dài 65m, chiều rộng đỉnh đập trung bình 1,5m; tràn đất chiều rộng trung bình khoảng 2,5-3,0m; Cổng lấy nước đang rò rỉ nước qua mang cổng 	Đang thẩm định vốn chống hạn 2015
9	Khuổi Thung	Tân Mỹ - Chiêm Hoá	5,1	0,59	36,1	12	55			Tràn xả lũ	<ul style="list-style-type: none"> Tràn xả lũ chưa được kiên cố, hiện bị xói lở mạnh 	
10	Noong Mò	Phúc Sơn - Chiêm Hoá	4	1,24	165,6	19	764	Đập đất			<ul style="list-style-type: none"> - Vai đập có hiện tượng trôi sụt, sạt ,lở, thấm. - Đập phụ có hiện tượng thấm ở hạ lưu. - Trần xả lũ có xuất hiện thấm bên vai trái. 	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
11	Hoàng Khai	Hoàng Khai - Yên Sơn	3,8	2,1	263,17	14	370	Đập đất			Đập phụ bị sạt lở; Lòng hồ có nhiều bãi nổi do bùn cát.	
12	Minh Cầm	Đội Bình - Yên Sơn		0,22	30	17	98	Đập đất		Tràn xả lũ	Đập đầu mối bị hư hỏng, xuống cấp; tràn xả lũ bằng đất chưa được kiên cố	
13	Nà Heng	Năng Khả - Na Hang	3,247	0,21	24,5	20,2	54,2	Đập đất			- Đập bị thấm, mất nhiều nước. Mái đập thượng lưu bị sụt sạt, phần mái hạ lưu bị lún võng. - Có hiện tượng thấm mất nước qua nền và thân đập - Đồng đã tiêu nước không hoạt động	
14	Nà Vàng	Khuân Hà - Lâm Bình	1,73	0,12	57	20,7	102,84	Đập đất			Đập chính bị thấm mạnh qua thân đập, xuất hiện vết sạt lở tại vị trí thấm trên thân đập. Đốc tràn tại vị trí ngang với khối bưng nhùng có hiện tượng nước thấm, diện tích vùng thấm khoảng 10m ²	
15	Ô Rô	Thái Hoà - Hàm Yên	19	0,13	158	12	10	Đập đất		Tràn xả lũ	Mái thượng hạ lưu không được gia cố, bề mặt mái thượng lưu bị lún lồi lõm, mái hạ lưu bị sạt sụt chân mái.	
16	Đèo Hoa	Chân Sơn - Yên Sơn	5,4	0,37	100,00	15	95	Đập đất		Tràn xả lũ	Hạ lưu tràn xả lũ hư hỏng, hai vai đập bị rò rỉ	Tổng 38.000 tr.đ đã bố trí vốn 12.000tr.đ
17	Hồ Khờn	Thái Sơn - Hàm Yên	9	1,06	30,00	13	372,75	Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Mái thượng và lưu đập đầu mối bị xói lở, xuống cấp; Cổng lấy dưới dưới đập + Tràn xả lũ bằng đất bị hư hỏng	Tổng 49.730 tr.đ đã bố trí 9.000 tr.đ
18	Khuôn Giáng	Xuân Vân - Yên Sơn		0,07	50,00							Tổng 49.900tr.đ đã bố trí 7.000tr.đ
19	Thôm Vài	Xuân Quang - Chiêm Hóa		0,07	11,1						Đập đầu mối và cống lấy nước dưới đập bị rò rỉ mạnh nên mái hạ lưu đập có nguy cơ sạt lở, hiện tại hồ trữ được rất ít nước không đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp (vụ đông xuân 2011-2012 chỉ tưới được 5,57ha còn 4,03ha phải chuyển trồng màu)	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
20	Đồng Bùng	Tú Thịnh - Sơn Dương	1	0,23	43,74	10	70	Đập đất			Đập đầu mối bị xói lở nhiều vị trí trên thân đập, tràn xả lũ bằng đất tự nhiên bị đất bồi nhiều, cống lấy nước hư hỏng	
21	Như Xuyên	Đồng Quý - Sơn Dương	15	2	241,00	27	120	Đập đất			- Hai bên mang cống chia nước đầu kênh bằng đá xây bị sạt lở; thành bên phải và đáy cống bị phá hủy hoàn toàn.	
22	Thôm mầu	Thị trấn Na Hang - Na Hang		0,07	21,36			Đập đất			Đập xuống cấp	
23	Hồ Chẹo	Nhữ Hán - Yên Sơn		0,08	12,28	4	200	Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
24	Khe Con	Đông Thọ - Sơn Dương		0,05	10,80			Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Thân đập bị xói, sạt lở; Cống điều tiết bị nứt; Tràn xả lũ hư hỏng	
25	Khe Con	Đông Thọ - Sơn Dương		0,05	5,40			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
26	Tân Khoa 1	Thái Hòa - Hàm Yên		0,17	30,65			Đập đất			Mái đập, kênh đất bị sạt lở	
27	Gốc Sặt	Yên Phú- Hàm Yên		0,04	1,48			Đập đất			Mái hạ lưu đập bị nước rò rỉ, một số vị trí nước phun thành dòng làm sụt lún thân đập gây mất an toàn cho đập	
28	Đầu Đồng	Tràng Đà, TP Tuyên Quang		0,15	16,31			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
29	Cây Cọ (Gò Gianh)	Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang		0,09	16,60			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
30	Bó Kẹn	Tân Thịnh - Chiêm Hoá	1,8	0,21	75,50	12,8	107	Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
31	Hồ Dáy	Nhữ Hán - Yên Sơn		0,07	11,95			Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
32	Khuôn Ninh	Đạo Viện - Yên Sơn	0,15	0,08	24,95	12	38	Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	ĐM xuống cấp, cống lấy nước rò rỉ	
33	Làng Hân	Kim Quan - Yên Sơn	0,8	0,16	27,08	6,52	48	Đập đất			ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
34	Đồng Min	Bình yên - Sơn Dương		0,1	14,13			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
35	Khuôn Mán	Lương Thiện - Song Dương		0,12	25,22			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
36	Hồ Thia	Tân Trào - Sơn Dương		0,06	10,44			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
37	Hồ Bồng	Tân Trào - Sơn Dương		0,14	23,62			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
38	Bản Bó (Thôm Bậy)	Thượng Lâm - Lâm Bình		0,01	6,51			Đập đất			Đập hư hỏng	
39	Nà Tinh	Thượng Lâm - Lâm Bình		0,16	24,54			Đập đất			Đập hư hỏng	
40	Thôm Thậy	Thượng Lâm - Lâm Bình		0,02	11,00			Đập đất			Đập hư hỏng	
41	Phai Nà	Thị trấn Na Hang - Na Hang		0,02	7,48			Đập đất			Kênh mương rò rỉ	
42	Phai Quang	Tân Thịnh - Chiêm Hóa		0,18	54,30			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
43	Cốc Phay	Vinh Quang - Chiêm Hóa		0,02	4,62			Đập đất			Hông đập	
44	Cốc Loạ	Vinh Quang - Chiêm Hóa		0,09	22,28				Cống lấy nước		Hông cống	
45	Tam Tinh	Minh Khương - Hàm Yên		0,05	7,74			Đập đất			Mái đập sạt lở	
46	Ông Huynh	Bình Xa - Hàm Yên		0,04	5,06			Đập đất			Mái đập, kênh đất sạt lở	
47	Hồ Điền (Ba trắng)	TT Tân Yên - Hàm Yên		0,02	6,84			Đập đất		Tràn xả lũ	mái thượng lưu và hạ lưu đập bị sạt lở nghiêm trọng. Đập không có tràn xả lũ	
48	Đập Đất	Thái Sơn - Hàm Yên		0,05	5,12			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
49	Ninh Tuyên	Thái Hòa - Hàm Yên		0,1	16,36			Đập đất			Mái đập, kênh đất bị sạt lở	Đã thẩm định vốn Nông thôn mới năm 2015

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
50	Khe Bôn	Thái Hòa - Hàm Yên		0,02	10,82			Đập đất			Mái đập, kênh đất bị sạt lở	
51	Hồ Đặng	Tân Tiến - Yên Sơn		0,06	14,16				Cổng lấy nước		ĐM xuống cấp, cổng lấy nước rò rỉ	
52	Khán Còm	Trung Trục - Yên Sơn		0,06	5,00			Đập đất		Tràn xả lũ	tràn không hoạt động được và thân tràn bị sập gãy dài 7m	
53	Đồng Cang	Đạo Viện - Yên Sơn	0,2	0,1	6,00	10	45	Đập đất	Cổng lấy nước		Đập, cổng, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
54	Làng Nhà	Kim Quan - Yên Sơn	0,8	0,09	13,00	9,9	63,6	Đập đất			ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
55	Dộc Gáo	Hợp Hòa - Sơn Dương		0,04	8,10			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
56	Thanh Bình	Hợp Hòa - Sơn Dương		0,12	20,07			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
57	Hồ Thuật I	Vân Sơn - Sơn Dương		0,09	15,02				Cổng lấy nước		Cổng lấy nước hư hỏng	
58	Hố Gáo	Vân Sơn - Sơn Dương		0,1	16,60				Cổng lấy nước		Cổng lấy nước hư hỏng	
59	Hồ Tịnh	Cấp Tiến - Sơn Dương		0,14	27,02			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
60	Đại Bàng	Cấp Tiến - Sơn Dương		0,04	6,20				Cổng lấy nước		Cổng lấy nước dưới đập bị thủng, nước chảy tự do	
61	Dộc Gáo	Lâm Xuyên - Sơn Dương		0,11	15,45			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
62	Đồng Giang	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,18	37,89			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	Đã thẩm định vốn Chống hạn năm 2015
63	Nội	Đội Cán, TP Tuyên Quang		0,1	16,48			Đập đất			Đập đầu mối bằng đất đắp đầm nén, mái thượng lưu đập bị sạt lở nặng	
64	Kỳ Lãm	Đội Cán, TP Tuyên Quang			50,00			Đập đất				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
65	Hồ gò Sờ	Phường Nông Tiến, TP Tuyên Quang		0,02	4,09				Cống lấy nước		Mái thượng lưu đập bị sạt lở, thân đập bị sạt lở tại nhiều vị trí	
66	Phó Bề	Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang		0,04	6,00			Đập đất			Lòng hồ bồi lắng bùn cát	
67	Thanh Niên	An Khang, TP Tuyên Quang		0,06	8,87			Đập đất			ĐM xuống cấp, Lòng hồ bồi lắng bùn cát	
68	Cầu Mực	An Khang, TP Tuyên Quang		0,04	5,33			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
69	Hồ xóm 18	Nông Tiến, TP Tuyên Quang		0,04	6,85			Đập đất			Đầu mối, Lòng hồ bồi lắng bùn cát	
70	Trường Đàng	Chân Sơn - Yên Sơn		0,06	10,00			Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Đập, cống, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
71	Hồ Chuộng	Tân Long - Yên Sơn	3,5	0,17	36,00	7,5	210	Đập đất			ĐM xuống cấp, KM rò rỉ	
72	Đồng Biệt	Đạo Viện - Yên Sơn		0,07	13,10			Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Đập, cống, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
73	Đồng Đình	Phú Lương - Sơn Dương		0,09	11,41			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
74	Tân Dân	Thiện Kế - Sơn Dương	6,1	0,815	150,00	21,90	267,50	Đập đất			Xử lý chống thấm cho thân đập và hai vai đập đất bằng hình thức khoan phụt chống thấm; Gia cố bảo vệ mái đập thượng lưu bằng hình thức lát cấu kiện bê tông đúc sẵn trong khung BTCT; Xử lý bảo vệ mái hạ lưu đập chống xói lở khi có mưa lớn bằng công nghệ NEOWEB; Xây dựng nhà trực quản lý vận hành, khai thác và bảo vệ công trình; Nâng cấp tuyến đường từ đường liên xã vào công trình và kiên cố ho, mÆt ÒËp phóc cho công tác quản lý vận hành công trình và kết hợp giao thông đi lại trong xã; Xây dựng bổ sung, hoàn chỉnh một số đoạn kênh xung yếu và các công trình trên kênh để đảm bảo vận hành công trình an toàn và hiệu quả.	
75	Khuôn Tâm	Trung Yên - Sơn Dương		0,11	37,93			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
76	Nà Lừa	Tân Trào - Sơn Dương		0,4	20,00			Đập đất			Mái đập xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
77	Ao Sen	TT Sơn Dương - Sơn Dương		0,05	6,48			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
78	Đồng Mã	Trung Yên - Sơn Dương		0,16	29,27			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
79	Ao Lân	Minh Thanh - Sơn Dương		0,03	5,85			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
80	Ao Hèng	Minh Thanh - Sơn Dương		0,03	5,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
81	Lũng Búng	Tân Trào - Sơn Dương		0,03	4,20			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
82	Hồ Thái An	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,06	6,76			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
83	Ngon Đồng	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,05	6,29			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
84	Ngòi Cụt	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,05	5,28			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
85	Bình Dân	Bình yên - Sơn Dương		0,24	32,73			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
86	Bồ Hòn	Tú Thịnh - Sơn Dương	1	0,23	43,74	10	70	Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
87	Cụ Đạo	Hợp Thành - Sơn Dương		0,08	14,74			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
88	Đồng Cầu	Hợp Thành - Sơn Dương		0,05	11,26			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
89	Ao Quan	Tú Thịnh - Sơn Dương	1,6	0,34	59,81	6,2	49,5	Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
90	Phúc Lợi	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,02	4,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
91	Rộc Mon	Phúc Ứng huyện Sơn Dương	0,5	0,2	33,30	6	50	Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
92	Bạch Xa	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,04	6,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
93	Ông Phiếu	Đông Thọ - Sơn Dương		0,06	6,72			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
94	Thái Hòa	Hợp Hòa - Sơn Dương		0,12	20,02			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
95	Cây Trâm 1	Hợp Hòa - Sơn Dương		0,06	11,15			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
96	Cây Hồng	Hợp Hòa - Sơn Dương		0,18	30,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
97	Nà Tinh	Thượng Lâm- Lâm Bình		0,19	32,94			Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Đập đầu mối xuống cấp, cống lấy nước bị rò rỉ qua mang cống, tràn xả lũ bị mưa lũ phá hỏng hoàn toàn sân tiêu năng và nhiều vị trí trên thân tràn bị hư hỏng, xuống cấp	
98	Thôm Nhau	Xuân Quang - Chiêm Hóa	0,75	0,12	19,20	6	46	Đập đất			Đầu mối hư hỏng	
99	Nậm Ho 1	Phú Bình - Chiêm Hóa		0,11	18,21			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
100	Dộc Giữa	An Khang, TP Tuyên Quang		0,08	8,30				Cống lấy nước		cống lấy nước rò rỉ	
101	Phai Thờ	An Khang, TP Tuyên Quang		0,2	33,93			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
102	Khe Mai	An Khang, TP Tuyên Quang		0,06	12,25			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
103	Dốc Thiều	An Khang, TP Tuyên Quang		0,17	26,40			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
104	Đầm Vạc	Tứ Quận - Yên Sơn	1	0,15	27,90	8	49	Đập đất			Đầu mối hư hỏng	
105	Thuyền Tha	Kim Phú - Yên Sơn	1,89	0,18	30,20	8,5	102		Cống lấy nước		Cống lấy nước hư hỏng	
106	Gốc Sồi	Mỹ Bằng - Yên Sơn		0,06	23,65	12	145		Cống lấy nước		Cống lấy nước hư hỏng	
107	Bác Cây	Xuân Vân - Yên Sơn		0,04	2,90						Đập, cống, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
108	Lục Mùn	Phúc Ninh - Yên Sơn		0,05	7,86						Lòng hồ bồi lắng, đập đầu mối sạt ở, KM xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
109	Cây Quýt	Đạo Viện - Yên Sơn		0,03	4,50				Cổng lấy nước		ĐM xuống cấp, cổng lấy nước rò rỉ	
110	Cây Vải	Thắng Quân - Yên Sơn		0,08	14,47			Đập đất	Cổng lấy nước		Đập, cổng, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
111	Phai Lớn	TT Sơn Dương - Sơn Dương		0,04	6,02			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
112	Ngòi Cò	Minh Thanh - Sơn Dương		0,1	20,97			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
113	Đèo Chấn	Tân Trào - Sơn Dương		0,09	14,88			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
114	Tiền Phong	Tân Trào - Sơn Dương		0,04	5,40			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
115	Vĩnh Tân	Tân Trào - Sơn Dương		0,08	11,60			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
116	Tam Tinh	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,08	13,49			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
117	Bà Trạ	Vĩnh Lợi - Sơn Dương		0,07	11,54			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
118	Khuôn Lăn	Thượng Âm - Sơn Dương		0,04	10,99			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
119	Đồng Đai	Hợp Thành - Sơn Dương		0,03	5,10			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
120	Ao Dàn	Hợp Thành - Sơn Dương		0,07	12,20			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
121	Khuôn Rèm	Hợp Thành - Sơn Dương		0,08	11,32			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
122	Hang Rinh	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,04	6,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
123	Gốc lụ	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,03	5,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
124	Chăn Nuôi	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,04	6,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
125	Ao Bác Hồ	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,03	4,80			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
126	Đại Bàng	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,04	6,12			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
127	Phương Đông	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,04	7,08			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
128	Phương Nam	Phúc Ứng huyện Sơn Dương	3	0,22	36,00	7	80	Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
129	Sào Mỏ (Sò mò)	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,035	4,44			Đập đất	Công lấy nước		Đập, công rò rỉ	
130	Đồng Hội	Phúc Ứng - Sơn Dương		0,11	18,42			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
131	Cấp Kênh	Đồng Thọ - Sơn Dương		0,18	29,78			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
132	Trầm Lan	Đồng Thọ - Sơn Dương		0,18	37,66			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
133	Ba Khe	Khánh Nhật - Sơn Dương		0,16	35,34			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
134	Bờ Cờn	Quyết Thắng - Sơn Dương		0,1	17,47			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
135	Bà Lin	Đồng Quý - Sơn Dương		0,05	5,72			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
136	Thôm Luông	Xuân Quang - Chiêm Hóa		0,07	14,89			Đập đất			Đầu mối hư hỏng	
137	Cốc Tậu	Phú Bình - Chiêm Hóa		0,09	11,79			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
138	Long Bên	Phú Bình - Chiêm Hóa		0,08	9,43			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
139	Cầu giấy	Tràng Đà, TP Tuyên Quang		0,08	12,65				Công lấy nước		Công lấy nước bị hỏng	
140	Phúc An	Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang		0,09	15,10			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
141	Cỏ Ngựa	Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang		0,05	6,00			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
142	Trầm Ân	Thắng Quân - Yên Sơn		0,08	12,00	5,5	28,5	Đập đất	Cống lấy nước		ĐM xuống cấp, cống lấy nước hỏng, KM xuống cấp	
143	Gia Cầm	Trung Môn - Yên Sơn	0,63	0,3	55,00	7,8	75	Đập đất			ĐM sạt ở, KM xuống cấp	
144	Cây Mít	Thái Bình - Yên Sơn		0,07	4,81			Đập đất	Cống lấy nước	Tràn xả lũ	Đập, cống, tràn xả lũ không đảm bảo an toàn	
145	Đồng Lớn	Tiến Bộ - Yên Sơn		0,08	16,58			Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, đập đầu mối + KM xuống cấp	
146	Ba nhà	Tiến Bộ - Yên Sơn		0,06	13,20			Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, đập đầu mối + KM xuống cấp	
147	Đồng Nứa	Mỹ Bằng - Yên Sơn	0,26	0,12	9,40	5,5	85	Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
148	Theo Voi	Mỹ Bằng - Yên Sơn		0,1	6,00	4	117	Đập đất			ĐM xuống cấp, KM rò rỉ	
149	Ninh Tiên (Tân Sánh)	Tuận Lộ - Sơn Dương		0,04	4,25			Đập đất			Đầu mối xuống cấp, lòng hồ bồi lắng	
150	Cây Bứa	Hồng Lạc - Sơn Dương		0,05	9,02			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
151	Trầm Vôi	Hồng Lạc - Sơn Dương		0,11	13,74			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
152	Nách Thánh	Hồng Lạc - Sơn Dương		0,06	9,39			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
153	Cầu Giếng	Phú Lương - Sơn Dương		0,1	16,44			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	Đã thẩm định vốn Chống hạn năm 2015
154	Cây Si	Phú Lương - Sơn Dương		0,05	7,63			Đập đất	Cống lấy nước		Đập, cống rò rỉ	
155	Đồng Kinh	Sơn Nam - Sơn Dương		0,11	9,14			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
156	Ông Phong	Sơn Nam - Sơn Dương		0,12	12,52			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
157	Ao Xanh	Sơn Nam - Sơn Dương		0,11	11,90			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
158	Thanh Thất	Sơn Nam - Sơn Dương		0,18	46,70			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
159	Hủ Cốc	Sơn Nam - Sơn Dương		0,19	26,84			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
160	Cốc Cooc	Vinh Quang - Chiêm Hóa		0,15	38,35			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
161	Giang Thín	Yên Nguyên - Chiêm Hóa	2,4	0,32	28,80	6,3	65			Tràn xả lũ	Hồng đập tràn	
162	Cây Vải	Thắng Quân - Yên Sơn		0,08	14,47			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
163	Hồ Chuối	Mỹ Bằng - Yên Sơn	0,68	0,21	28,20	10	86	Đập đất			Lòng hồ bồi lắng, ĐM sạt lở, KM xuống cấp	
164	Bình Điền	Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang		0,11	18,70			Đập đất			Đầu mối + KM xuống cấp	
165	Nà Ngạch	Đồng Quý - Sơn Dương		0,04	4,42			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
166	Nga phụ	Tuận Lộ - Sơn Dương		0,11	18,10			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
167	Đồng Còng	Văn Phú - Sơn Dương		0,03	5,12			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
168	Dộc Phương	Văn Phú - Sơn Dương		0,02	2,66			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
169	Dộc Cọ	Hồng Lạc - Sơn Dương		0,07	12,45			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
170	Cầu Cá	Phú Lương - Sơn Dương		0,01	6,80			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
171	Cầu Thông	Phú Lương - Sơn Dương		0,12	19,40			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
172	Đồng Sành	Phú Lương - Sơn Dương		0,04	5,86			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
173	Cây Vôi	Phú Lương - Sơn Dương		0,02	2,75			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
174	Đồng Cục	Phú Lương - Sơn Dương		0,01	2,00			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
175	Cầu Đá	Phú Lương - Sơn Dương		0,02	3,80			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
176	Đồng Bèo	Phú Lương - Sơn Dương		0,03	4,71			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
177	Cây Sấu	Đại Phú - Sơn Dương		0,25	41,46			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
178	Trúc Long	Sơn Nam - Sơn Dương		0,1	7,74			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
179	Ao Cà	Hào Phú - Sơn Dương		0,01	2,05			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
180	Cổ Trâu	Hào Phú - Sơn Dương		0,05	6,69			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
181	Cửa Đình	Hào Phú - Sơn Dương		0,04	3,50			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
182	Dộc Dui	Hào Phú - Sơn Dương		0,03	4,78			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
183	Nhà Móc	Hào Phú - Sơn Dương		0,05	8,72			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
184	Nhà Lặn	Hào Phú - Sơn Dương		0,03	5,28			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
185	Cầu Đá	Phú Lương - Sơn Dương		0,02	3,80			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
186	CT Giếng Mẩn	Hào Phú - Sơn Dương		0,03	4,43			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
187	Cầu Cống	Hào Phú - Sơn Dương		0,03	2,94			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
188	Đồng Lừ	Hào Phú - Sơn Dương		0,02	3,42			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
189	Kho Me	Hào Phú - Sơn Dương		0,01	2,17			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(15)	(16)
190	Khiếu Đen	Tam Đa - Sơn Dương		0,05	4,10			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
191	Đồng Mới	Tam Đa - Sơn Dương		0,03	5,77			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
192	Cây Hồng	Tam Đa - Sơn Dương		0,06	10,66			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
193	Đồng Nếp	Tam Đa - Sơn Dương		0,04	7,41			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
194	Nhà Ván	Tam Đa - Sơn Dương		0,07	11,90			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
195	Dộc Dâu (Phú Thọ)	Tam Đa - Sơn Dương		0,01	8,94			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
196	Dộc Dong	Tam Đa - Sơn Dương		0,05	7,80			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
197	Dộc Dâu (Tân Phú)	Tam Đa - Sơn Dương		0,01	2,17			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
198	Rộc Ao	Tam Đa - Sơn Dương		0,02	2,73			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
199	Ông Mèo	Tam Đa - Sơn Dương		0,02	3,96			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
200	Dộc Bé	Tam Đa - Sơn Dương		0,04	6,28			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
201	Hốc Chích	Tam Đa - Sơn Dương		0,06	10,23			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
202	Nhà Keo	Tam Đa - Sơn Dương		0,02	3,62			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
203	Dộc Da	Tam Đa - Sơn Dương		0,01	2,27			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
204	Cầu Trường	Tam Đa - Sơn Dương		0,01	2,15			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
205	Bó Coóc	Hòa An - Chiêm Hóa		0,09	17,68			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	
206	Nà Quýt	Vinh Quang - Chiêm Hóa		0,03	6,42				Cống lấy nước		Hông cống, cửa van	
207	Bó Tầu	Yên Nguyên - Chiêm Hóa		0,1	25,61			Đập đất			Đầu mối xuống cấp	

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 2819/KH-SNN ngày 17/12//2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)

STT	Tên huyện- thành phố	Tổng chiều dài (km)	Trong đó dự kiến ứng dụng công nghệ mới (km)	Ghi chú
1	2	3	5	7
	TỔNG SỐ	1.000	500	
1	Lâm Bình	70	35	
2	Na Hang	60	30	
3	Chiêm Hóa	170	85	
4	Hàm Yên	150	75	
5	Yên Sơn	210	105	
6	Sơn Dương	250	125	Triển khai thí điểm tại xã Đại Phú từ năm 2015
7	Thành phố Tuyên Quang	90	45	

**ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TƯỚI TIÊN TIẾN, TIẾT KIỆM NƯỚC
CHO CÂY TRỒNG CẠN CHỦ LỰC GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 2819/KH-SNN ngày 17/12//2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)

Số TT	Nội dung chính sách	Địa điểm thực hiện (xã- huyện)	Giai đoạn 2015-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG		5.300	
1	Mô hình thí điểm		15	
	Mía (2 mô hình)	Xã Đại Phú, xã Phú Lương huyện Sơn Dương	7	Năm 2016
	Chè (2 mô hình)	Xã Mỹ Bằng huyện Yên Sơn, xã Trung Long, huyện Sơn Dương	4	Năm 2016
	Cây ăn quả (2 mô hình)	Xã Yên Lâm, Xã Phù Lưu huyện Hàm Yên	4	Năm 2016
2	Nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh		5.285	
	Mía	Các huyện, thành phố	2.765	Hàng năm
	Chè	Huyện Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương	1.330	Hàng năm
	Cây cam, bưởi, rau	Các huyện: Hàm Yên, Chiêm Hóa, Yên Sơn và Thành phố Tuyên Quang	1.190	Hàng năm

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU
TRONG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU LĨNH VỰC THỦY LỢI TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2015-2020**
(Kèm theo Kế hoạch số 2819/KH-SNN ngày 17/12//2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Trung tâm NS & VSMTNT, - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Thường xuyên
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - Trung tâm NS & VSMTNT; - Phòng Trồng trọt Sở và các đơn vị liên quan.	Quý IV/2015
3	Nâng cao chất lượng quy hoạch thủy lợi, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch:			
3.1	Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi và quy hoạch cấp nước sinh hoạt & Vệ sinh môi trường nông thôn đã được UBND tỉnh phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Trung tâm NS & VSMTNT, - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
3.2	Triển khai lập Quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035 phục vụ các mục tiêu của Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp	Chi cục Thủy lợi	- Phòng KH-TC Sở; - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan	2016

1	2	3	4	5
4	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn:			
4.1	Đề xuất kế hoạch đầu tư công và tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án:			
a)	Căn cứ Quy hoạch thủy lợi và quy hoạch cấp nước sinh hoạt & Vệ sinh môi trường nông thôn đã được UBND tỉnh phê duyệt để lựa chọn danh mục dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển thủy lợi và Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp; đề xuất ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng công trình thủy lợi, đê, kè, kiên cố hoá kênh mương, cấp nước sinh hoạt	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - Trung tâm NS&VSMTNT; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan;	Hàng năm
b)	Kiểm tra, rà soát các công trình hồ đập; công tác kiểm định và lập phương án phòng chống lũ lụt; rà soát danh mục các hồ đập có khả năng mất an toàn, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư tu sửa, nâng cấp và nhu cầu kinh phí báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh Tuyên Quang	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan;	Hàng năm
4.2	Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng và tham mưu quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính; lập danh mục các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư tu sửa, nâng cấp và nhu cầu kinh phí, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh Tuyên Quang .	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	- Sở Tài chính; Sở KH và ĐT; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
4.3	Tổ chức tập huấn, củng cố kiến thức nghiệp vụ, nâng cao năng lực cán bộ làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi: Rà soát, củng cố, nâng cao năng lực quản lý, khai thác cho đội ngũ cán bộ Ban quản lý khai thác CTTL Tuyên Quang và các Ban quản lý khai thác CTTL cơ sở.	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
5	Phát triển tưới cây trồng cạn:			
5.1	Triển khai thực hiện mô hình thí điểm ứng dụng các giải pháp công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực; xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực của tỉnh	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan, các hộ gia đình thực hiện mô hình;	Theo kế hoạch được duyệt

1	2	3	4	5
5.2	Triển khai ứng dụng, phát triển trên diện rộng các giải pháp công nghệ thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực nếu các mô hình thí điểm có hiệu quả (mía, chè..; cam, bưởi ..và cây rau)	Chi cục Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan; 	Hàng năm
5.3	Đề xuất danh mục hệ thống CTTL cần tu sửa, nâng cấp; Sắp xếp thứ tự, ưu tiên đầu tư các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, trong đó có cấp nước tưới cho cây công nghiệp chủ lực phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với xây dựng nông thôn mới. Báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh Tuyên Quang .	Chi cục Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan; 	Hàng năm
6	Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản:			
6.1	Xây dựng mô hình thí điểm ứng dụng các công nghệ cấp nước tiết kiệm, đảm bảo môi trường sinh thái và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý nước để nâng cao chất lượng nước phục vụ nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa thủy lợi và cung cấp nước cho các ao, hồ nhỏ chuyên nuôi thủy sản.	Chi cục Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Thủy lợi; - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan; 	2016
6.2	Đề xuất với Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh Tuyên Quang danh mục hệ thống CTTL cần tu sửa, nâng cấp; Sắp xếp thứ tự, ưu tiên đầu tư các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, trong đó có cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản trên ruộng và các công trình thủy lợi + ao, hồ nhỏ có sử dụng mặt thoáng để nuôi trồng thủy sản.	Chi cục Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Thủy lợi; - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các đơn vị liên quan; 	Hàng năm
7	Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ chứa:			
7.1	Tổ chức tập huấn, củng cố kiến thức nghiệp vụ, nâng cao năng lực về quản lý khai thác các công trình hồ chứa cho cán bộ các Ban quản lý khai thác CTTL cơ sở.	Chi cục Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan; 	Hàng năm
7.2	Rà soát các hồ đập có nguy cơ mất an toàn và đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn hồ đập để điều chỉnh, bổ sung Chương trình an toàn hồ chứa	Chi cục Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan; 	Hàng năm

1	2	3	4	5
7.3	Đề xuất danh mục hệ thống công trình hồ chứa cần tu sửa, nâng cấp; Sắp xếp thứ tự, ưu tiên đầu tư các công trình hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp, có nguy cơ đổ vỡ để đảm bảo an toàn cho các công trình.	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
8	Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai:			
8.1	Thành lập, củng cố tổ chức bộ máy phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định.	Chi cục Thủy lợi	- UBND các huyện, thành phố; - Các ngành liên quan	Hàng năm
8.2	Tiếp tục tham mưu, đề xuất triển khai Luật Phòng, chống thiên tai; Quỹ phòng, chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi	- UBND các huyện, thành phố; - Các ngành liên quan	Hàng năm
8.3	Đề xuất xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2016-2020	Chi cục Thủy lợi	- UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	2016
8.4	Tổ chức, thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè sông, kè suối để đề xuất các giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện.	Chi cục Thủy lợi	- UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
8.5	Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng, chuyển giao phát triển các công nghệ tiên tiến, như: Công nghệ ảnh vệ tinh, công nghệ thông tin, vật liệu mới để nâng cao năng lực dự báo trong phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn đập và phòng chống lũ cho hạ lưu, quản lý khai thác công trình thủy lợi; Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các giải pháp công nghệ tiên tiến phục vụ thiết kế, thi công các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu.	Chi cục Thủy lợi	- Ban quản lý khai thác TQ; - UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm
8.6	Tổ chức rà soát đánh giá kết quả và tiếp tục thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng theo Chương trình của Trung ương và Kế hoạch của UBND tỉnh.	Chi cục Thủy lợi	- UBND các huyện, thành phố; - Các cơ quan, đơn vị liên quan;	Hàng năm